

TỈNH GIA LAI

Bản án số: 19/2026/HS-ST

Ngày: 17/3/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Mạnh Dũng;
2. Bà Hoàng Thị Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thuận - Thư ký TAND Khu vực 9 – Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Gia Lai tham gia phiên tòa:*

Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2026/TLST-HS, ngày 02 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Bùi Văn T; sinh ngày: 01/11/1972, tại tỉnh Hưng Yên. Số CCCD: 033072015340. Nơi cư trú: thôn H, xã I, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn T1, sinh năm 1950 và Nguyễn Thị N, (đã chết); có vợ là Vũ Thị L, sinh năm: 1977 (đã ly hôn) và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, Tiền sự: Không. Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 19/11/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh G. Có mặt

- *Người bị hại:*

1. Ông Ksor D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Làng M, xã I, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Ông Puih K, sinh năm 1985. Số CCCD: 064085004389.

Địa chỉ: Làng M, xã I, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1981. Số CCCD: 052081010498

Địa chỉ: Thôn B, xã C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn C, xã I, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- *Người phiên dịch:* Ông Rơ Châm Y, sinh năm 2006. Chiến sỹ Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh G. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào ngày 18/9/2025, Bùi Văn T có đi chơi tại nhà người quen ở làng M, xã I, tỉnh Gia Lai, khi đi về ngang qua nhà anh Ksor D (sinh năm 1982, trú tại làng M, xã I, tỉnh Gia Lai) thì T nhìn thấy có một con bò cái màu vàng cột ở phía sau nhà nên T nảy sinh ý định buổi tối vắng người sẽ quay lại trộm cắp con bò để bán lấy tiền tiêu xài, sau đó T đi về nhà. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu sơn xanh, biển kiểm soát 81F9.2230, đi từ nhà tại thôn H, xã I đến làng M, xã I, tỉnh Gia Lai và giấu chiếc xe mô tô ở lô cao su cách nhà anh D khoảng 500m. Sau đó T đi bộ đến nhà anh D thì thấy có 01 (một) con bò cái, màu lông vàng, đang cột ở chuồng phía sau nhà, nên T vào dùng tay cởi dây thừng và dắt con bò đi cột ở lô cao su thuộc làng D, xã I, cách nhà anh D khoảng 1 kilomet. Sau đó T đi bộ ra chỗ cất xe mô tô để lấy xe đi về, trên đường đi qua làng M, xã I thì T tiếp tục phát hiện phía bờ rào của nhà ông Puih K (sinh năm 1985) có cột mấy con bò nên T tiếp tục nảy sinh ý định trộm cắp. Tá vào trong thấy một con bò đực, màu lông đen nên T dùng tay cởi dây thừng cột con bò ở bờ rào ra và dắt con bò đi đến vị trí T đã cột con bò trộm được trước đây, để hôm sau cùng mang đi bán lấy tiền tiêu xài.

Trong lúc này anh Puih K phát hiện con bò đực của gia đình bị mất nên đã đi tìm nhưng không tìm thấy con bò mà phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu sơn xanh, biển kiểm soát 81F9.2230 mà T đã cất dấu, ông K trình báo sự việc cho Cơ quan chức năng.

Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 19/9/2025, T đi bộ quay lại chỗ cất dấu xe mô tô thì không thấy chiếc xe ở đó nữa, T nghĩ đã có người phát hiện và lấy chiếc xe đi nên T đi bộ về nhà ở thôn H, xã I. Khoảng 08 giờ sáng ngày 19/9/2025, T dậy và đi bộ đến chỗ cột hai con bò trộm cắp thì vẫn thấy có 02 con bò ở đây nên T cởi dây và dắt hai con bò đi đến bờ lô cao su, gần đường thuộc làng D, xã I, cột ở đó. Tá điện thoại cho anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1970, ở thôn C, xã I, tỉnh Gia Lai) thuê xe tải của anh C để chở hai con bò đi đến xã C, tỉnh Gia Lai bán, thì anh C đồng ý điều khiển xe tải mui phủ, màu xanh, biển kiểm soát 81L-2992 đến chỗ của T. Khoảng 11 giờ cùng ngày, thì T và anh C chở hai con bò trên đến nhà anh Nguyễn Ngọc T2 (sinh năm 1981, chỗ ở thôn B, xã C, tỉnh Gia Lai), khi đến nơi Tá dắt hai con bò vào trong trại bò gặp anh T2, T nói bò của nhà T không có người chăm muốn bán. T và anh T2 thống nhất giá con bò đực, màu lông đen là 10.000.000đ (mười triệu đồng), con bò cái màu lông vàng trị giá 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm ngàn đồng). Sau khi nhận đủ tiền T và anh C đi về nhà, trên đường về đến xã I, tỉnh Gia Lai thì bị Công an xã I mời lên làm việc.

Tại Công an xã I, tỉnh Gia Lai, Bùi Văn T đã khai nhận hành vi nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã tiến hành xác minh và tạm giữ của T số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5i, màu tím đen (đã qua sử dụng); tạm giữ của anh Nguyễn Ngọc T2 02 con bò, còn sống đã mua của T, ông Puih K giao nộp xe mô tô biển kiểm soát 81F9.2230, đã

qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành cho những người bị hại và Bùi Văn T cân xác định trong lượng các con bò đã tạm giữ, xác định 01 con bò cái, lông vàng có trọng lượng 130 kilogam; 01 con bò đực, lông đen trọng lượng 200 kilogam, sau khi cân trọng lượng Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giao lại các con bò cho chủ sở hữu chăm sóc và tiến hành định giá tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 20/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự xã I, kết luận: 01 con bò lông vàng Việt Nam, trọng lượng 130kg có trị giá 10.400.000 đồng; 01 con bò lông đen Việt Nam, trọng lượng 200kg có trị giá 16.000.000 đồng. Tổng giá trị là 26.400.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 32/CT-VKS ngày 31 tháng 01 năm 2026, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Bùi Văn T từ 16 đến 20 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 con bò đực màu đen là của ông Puih K, 01 con bò cái màu vàng là của ông Ksor D, số tiền 16.000.000đ là của ông Nguyễn Ngọc T2 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu các tài sản trên.

01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Wave, màu sơn xanh, biển kiểm soát 81F9-2230 (đã qua sử dụng); 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5i màu tím đen (đã qua sử dụng). Đây là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

- Về dân sự:

Ông Puih K và ông Nguyễn Ngọc T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

Ông Ksor D quá trình điều tra yêu cầu Bùi Văn T phải bồi thường 01 con bò tương tự theo phong tục địa phương. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Ksor D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, thống nhất bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Xét lời khai của bị cáo Bùi Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vì muốn có tiền tiêu xài nên vào tối ngày 18/9/2025, tại làng M, xã I, tỉnh Gia Lai, Bùi Văn T đã hai lần trộm cắp tài sản là 01 con bò cái có giá trị 10.400.000 đồng của gia đình ông Ksor D và trộm cắp 01 con bò đực trị giá 16.000.000 đồng của gia đình ông Puih K. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 26.400.000 đồng. Hành vi của bị cáo Bùi Văn T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9, tỉnh Gia Lai đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, được pháp luật bảo vệ, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị, nhưng bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân và trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Trong vụ án này, bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mỗi lần trộm cắp đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Vì vậy cần thiết phải lên cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có đủ điều kiện cải tạo trở thành người tốt có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét: Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp hay công việc nhất định, nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] *Về dân sự*: Ông Puih K, ông Nguyễn Ngọc T2 và ông Ksor D đã nhận lại tài sản của mình. Tại phiên tòa ông Puih K, ông Nguyễn Ngọc T2 và ông Ksor D không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

[5] *Về xử lý vật chứng*: Đối với tài sản Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu nên không xem xét.

Đối với 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Wave, màu sơn xanh, biển kiểm soát 81F9- 2230 (đã qua sử dụng); 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5i màu tím đen (đã qua sử dụng). Đây là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với ông Nguyễn Văn C là người đã giúp Bùi Văn T chở 02 con bò đi bán và Nguyễn Ngọc T2 là người đã mua 02 con bò của Bùi Văn T. Tuy nhiên khi vận chuyển và mua những tài sản này từ Tá thì ông C, ông T2 không biết các tài sản này do phạm tội mà có. Do vậy Cơ Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G không xem xét trách nhiệm của ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Ngọc T2

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Bùi Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam là ngày 19/11/2025.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước:

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Wave, màu sơn xanh, biển kiểm soát 81F9-2230, số máy HC08E0068986, số khung HHC08042Y068966 đã qua sử dụng.

- 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5i màu tím đen đã qua sử dụng, số IMEI 862000074450518.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/3/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G và Phòng thi hành án dân sự Khu vực 9, tỉnh Gia Lai).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND KV9 , Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS KV 9, Gia Lai;
- Bị cáo + Người TGT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hòa